

Số: /BC- UBND

Phong Thổ, ngày tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO

Sơ kết công tác giáo dục học kỳ I và phương hướng nhiệm vụ học kỳ II Năm học 2023-2024

Năm học 2023-2024 là năm học tiếp theo thực hiện Kết luận số 51-KL/TW, ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, năm học thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025. Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, sâu sát của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, sự ủng hộ và phối hợp có hiệu quả của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, nhân dân trong huyện, cùng với sự nỗ lực, tâm huyết và trách nhiệm của thầy cô giáo, cán bộ, nhân viên, sự cố gắng vươn lên của các em học sinh, công tác giáo dục của huyện đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ HỌC KỲ I

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ HỌC KỲ I

1. Rà soát, sắp xếp, kiện toàn mạng lưới trường lớp

Quy mô mạng lưới trường, lớp, học sinh: Tổng số trường trong huyện: 52 trường với 837 lớp, nhóm lớp = 25.368 học sinh. Trong đó: Mầm non: 17 trường với 273 nhóm, lớp với 6.297 cháu. Tiểu học 13 trường với 377 lớp = 9.958 học sinh; THCS 13 trường 187 lớp = 7.366 học sinh; Trường liên cấp TH và THCS có 05 trường; THPT: 03 trường, 37 lớp với 1.577 học sinh; TT GDNN-GDCTX: 01 trường với 06 lớp = 188 học sinh (Biểu 01 kèm theo).

2. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục

2.1. Đối với giáo dục mầm non

Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp: Nhà trẻ 950/3526 trẻ, đạt 26,9% (tăng 5,0% so với cùng kỳ năm trước); Mẫu giáo 5.333/5.337 trẻ đạt 99,9%; trẻ 5 tuổi ra lớp 1750/1750 trẻ đạt tỷ lệ 100%, đảm bảo kế hoạch đề ra.

Tiếp tục chỉ đạo phát triển Chương trình GDMN gắn với điều kiện thực tiễn vùng miền, áp dụng đa dạng các hình thức và phương pháp đổi mới hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ theo quan điểm “lấy trẻ làm trung tâm” phù hợp với điều kiện thực tế của trường, lớp và khả năng của trẻ.

Chú trọng xây dựng môi trường trong và ngoài lớp học tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, trải nghiệm theo phương châm “học bằng chơi, chơi mà học” phù hợp với tâm lý lứa tuổi. Khảo sát khả năng giao tiếp tiếng Việt của trẻ;

thống kê theo mức độ nhận thức của từng nhóm trẻ để có kế hoạch tổ chức lồng ghép nội dung tăng cường tiếng Việt cho trẻ vào các hoạt động giáo dục theo các chủ đề phù hợp; trên cơ sở đó, giáo viên đưa ra những giải pháp tăng cường tiếng Việt cho trẻ thông qua các hoạt động giáo dục hàng ngày.

Các trường mầm non đã có biện pháp tuyên truyền đến các bậc phụ huynh về chế độ dinh dưỡng cân đối hợp lý giúp trẻ phát triển về thể chất; phối hợp với gia đình xây dựng chế độ dinh dưỡng, chế độ vận động hợp lý đối với trẻ suy dinh dưỡng. Đồng thời phối hợp chặt chẽ các bên liên quan trong công tác chỉ đạo, hướng dẫn chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh và kiểm tra chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm tại bếp ăn trong các cơ sở GDMN để tổ chức tốt bữa ăn bán trú cho trẻ tại trường; thực hiện các biện pháp theo dõi, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ em. Cụ thể (*Biểu 02 kèm theo*):

100% các trường mầm non tổ chức ăn bán trú với 273 nhóm lớp/6.297 trẻ.

- Đối với trẻ Nhà trẻ: Tổng số trẻ phát triển bình thường về cân nặng: $861/968=89\%$, Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng (SDD) thể nhẹ cân $107/968$ chiếm $11,0\%$. Tổng số trẻ phát triển bình thường về chiều cao: $832/968 = 86\%$, Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thấp còi $136/968$ chiếm 14% .

- Đối với trẻ Mẫu giáo: Tổng số trẻ phát triển bình thường về cân nặng $4.785/5.329 = 89,8\%$, Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân $544/5.329 = 11,2\%$, Trong đó: Trẻ 5 tuổi phát triển bình thường về cân nặng: $1.573/1.733 = 90,8\%$, Tỷ lệ trẻ 5 tuổi suy dinh dưỡng (SDD) thể nhẹ cân $160/1.733$ chiếm $9,2\%$. Tổng số trẻ phát triển bình thường về chiều cao: $4.702/5.329 = 88,3\%$, Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thấp còi $627/5.329$ chiếm $11,7\%$, Trong đó: Trẻ 5 tuổi phát triển bình thường về chiều cao: $1.573/1.733 = 90,1\%$, Tỷ lệ trẻ 5 tuổi suy dinh dưỡng (SDD) thể thấp còi $172/1.733$ chiếm $9,9\%$. Tỷ lệ trẻ béo phì: $3/6.297 = 0,05\%$.

- Có $6.297/6.297$ đạt 100% trẻ mầm non đến trường được học 2 buổi/ngày và tổ chức ăn bán trú tại trường.

Số trẻ đạt chất lượng giáo dục $6.287/6.297= 97.4\%$ (9 trẻ khuyết tật, 01 trẻ ốm dài ngày không tham gia đánh giá), trong đó:

+ Trẻ nhà trẻ: $649/968 = 67\%$ trẻ đạt yêu cầu về chất lượng.

+ Trẻ mẫu giáo: $4.466/5.319 = 83,9\%$ trẻ đạt yêu cầu về chất lượng.

3.2. Giáo dục tiểu học

Tổng số học sinh 6 tuổi tuyển sinh vào lớp 1/tổng số trẻ 6 tuổi: $1966/1966$ đạt 100% , đảm bảo kế hoạch đề ra.

Các trường đã thực hiện công tác giảng dạy đảm bảo đúng chương trình giáo dục phổ thông, giao quyền chủ động cho các trường học trong việc thực hiện chương trình nhằm phát huy tính tích cực, chủ động học tập của học sinh và phù hợp với địa phương, với điều kiện thực tiễn của đơn vị. Triển khai dạy học ngoại ngữ 4 tiết/tuần ở khối lớp 3, 4, 5 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018; dạy học giáo dục hòa nhập đối với trẻ khuyết tật; Chỉ đạo các đơn vị quan tâm đến học sinh có hoàn cảnh khó khăn và tăng cường dạy tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu

số; phối hợp với Dự án Plan tổ chức triển khai và nhân rộng hiệu quả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học tích cực, sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, điều chỉnh chương trình giáo dục tiểu học phù hợp với bối cảnh địa phương và mô hình thư viện thân thiện.

Tổ chức tốt các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, ... đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học, gắn giáo dục nhà trường với thực tiễn cuộc sống để phát huy năng lực phẩm chất toàn diện cho học sinh. Tổ chức hoạt động “Ngày hội đọc sách gia đình” làm thay đổi nhận thức của học sinh, phụ huynh về tầm quan trọng của việc đọc sách. Xây dựng thói quen đọc sách của học sinh, phụ huynh và giáo viên.

Tiếp tục chỉ đạo tổ chức tốt việc đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư số 22/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 và Thông tư số 27/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04/09/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đánh giá học sinh Tiểu học.

Kết quả:

- Xếp loại chung học lực các môn học: Hoàn thành tốt: 3.757/9.846 đạt 38,2%; Hoàn thành: 5.662/9.846 đạt 57,5%; Chưa hoàn thành: 427/9.846 chiếm 4,3%.

- Học sinh đánh giá định kỳ về năng lực: Tốt: 3.973/9.846 đạt 40,4%, Đạt: 5.549/9.846 = 56,4%; Cần cố gắng: 324/9.846 chiếm 3,3%.

- Học sinh đánh giá định kỳ về phẩm chất: Tốt: 4.327/9.846 đạt 44%, Đạt: 5.425/9.846 = 55,1%; Cần cố gắng: 94/9.846 chiếm 1% (***Biểu 03 kèm theo***).

Chỉ đạo các đơn vị xây dựng kế hoạch năm học trên cơ sở các nghị quyết của tỉnh, ngành, đồng thời gắn với đặc thù địa phương. Nâng cao chất lượng xây dựng trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia. Chỉ đạo các đơn vị chuẩn bị các điều kiện để thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đối lớp 5 và tiếp tục thực hiện đối với lớp 1, 2, 3, 4.

3.3. Giáo dục THCS

Tổng số học sinh lớp 6 tuyển sinh được/ tổng số hoàn thành chương trình tiểu học là: 2.095/2.095 đạt 100%.

Tích cực đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo; thực hiện tốt việc giao quyền tự chủ về nội dung chương trình, kế hoạch dạy học đến từng trường và giáo viên; đa số giáo viên tích cực, chủ động trong đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá phù hợp đối tượng học sinh và mục tiêu giáo dục; việc đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học đã đi vào nền nếp và hiệu quả hơn. Đã chỉ đạo các đơn vị chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học, phù hợp với điều kiện thực tiễn của đơn vị. Tích cực tham mưu xây dựng kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Trong thực hiện công tác giáo dục hướng nghiệp tại các đơn vị ngày càng được sự quan tâm nhiều hơn của phụ huynh và học sinh, với nhu cầu về nghề nghiệp của con em mình trong tương lai và nhu cầu của học sinh trong việc lựa

chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích của bản thân các em. Tuy nhiên giáo viên thực hiện tiết dạy trải nghiệm hướng nghiệp là các giáo viên dạy các môn học khác nhau, giáo viên chủ nhiệm, tổng phụ trách đội được giao phụ trách hướng dẫn giáo dục hướng nghiệp nên hiệu quả nhiều khi chưa đạt được như mong đợi. Việc dạy học tích hợp đối với các bộ môn nhiều đơn vị trường không có giáo viên bộ môn đặc biệt đối với môn Giáo dục Công dân và Công nghệ ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện giáo dục tích hợp đối với các môn học này. Việc giáo dục hướng nghiệp gắn với việc sản xuất kinh doanh trên địa bàn đặc biệt là các xã đặc biệt khó khăn biên giới có rất ít hoặc không có cơ sở sản xuất kinh doanh nên khó thực hiện. Mô hình sáng kiến giáo dục hướng nghiệp để hướng dẫn và cho học sinh trải nghiệm làm thành sản phẩm cần có nguồn kinh phí duy trì thường xuyên để hoạt động.

Quan tâm chỉ đạo và thực hiện tốt công tác xây dựng trường trung học đạt chuẩn quốc gia, đặc biệt là việc cải tạo khuôn viên, cảnh quan trường, lớp học. Thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra, tư vấn nâng cao chất lượng giáo dục tại các trường vùng khó khăn biên giới.

Các đơn vị thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương trong việc huy động học sinh ra lớp và nâng tỷ lệ chuyên cần được quan tâm thực hiện hiệu quả, nhất là ở các xã đặc biệt khó khăn, biên giới góp phần quan trọng vào việc giảm tỷ lệ học sinh bỏ học.

Chất lượng hai mặt giáo dục:

- Số học sinh xếp loại học lực Giỏi/Tốt: 604 học sinh, đạt 8,4%; Học sinh xếp loại học lực Khá: 2.544, đạt 35,2%. Số học sinh xếp loại học lực Trung bình/Đạt: 3.689, đạt 51%, Yếu/Chưa đạt: 389 chiếm 5,4%, Kém: 04, chiếm 0,06%.

- Số học sinh xếp loại Hạnh kiểm: Tốt: 4.469 đạt 63,2%, Khá: 2.330 đạt 32,2%, Trung bình/Đạt: 322, chiếm 4,5%, Yếu/Chưa đạt: 14, chiếm 0,12% (*Biểu số 04 kèm theo*).

* ***Giáo dục mũi nhọn:*** Tham gia kỳ thi Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh có 02/05 dự án dự thi đạt giải Khuyến Khích.

3.4. Giáo dục THPT

Tuyển sinh vào lớp 10 đạt 100% kế hoạch giao.

Các trường đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch dạy học đối với các khối lớp, quan tâm đối với khối lớp 10, 11 thực hiện chương trình GDPT 2018 phù hợp với đối tượng học sinh đảm bảo mục tiêu cần đạt về phẩm chất, năng lực, kiến thức, kỹ năng.

Các đơn vị đã quan tâm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tập trung vào các môn Toán, Văn, Anh. Tổ chức thực hiện tốt môn học hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp khối lớp 10, 11; trải nghiệm hướng nghiệp, giáo dục Stem. Hướng nghiệp cho các em lớp 12 về việc chọn ngành, chọn nghề, chọn trường.

Chất lượng giáo dục: Số học sinh xếp loại học lực Giỏi/Tốt: 59 học sinh, đạt 3,7%; Học sinh xếp loại học lực Khá: 807 đạt 51,2%. Số học sinh xếp loại

học lực Trung bình/Đạt: 682, đạt 43,3%, Yếu/Chưa đạt: 29 chiếm 1,84%, Kém: 0. Số học sinh xếp loại Hạnh kiểm: Tốt: 1.142 đạt 72,42%, Khá: 378 đạt 24%, Trung bình: 57, chiếm 3,61%, Yếu: 0 (**Biểu số 04b kèm theo**).

3. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý các cấp

Đội ngũ CBQL, GV, NV: Tính đến hết 31/12/2023, tổng số CBQL, giáo viên các cấp học 1.727. Trong đó: Cấp học Mầm non: 506, Tiểu học: 652, THCS: 446, THPT: 101, TT GDNN-GDTX: 18; Văn phòng phòng GD&ĐT: 05 (**Biểu 5a, b, c, d, e kèm theo**).

Đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo cơ bản đảm bảo tỷ lệ theo quy định; công tác bồi dưỡng được tăng cường; khuyến khích đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên các cấp học thường xuyên tự bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu chuẩn nghề nghiệp. Qua đó, chất lượng đội ngũ ngày càng được nâng cao.

Các trường đã xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp trong thực thi công vụ đối với công chức, viên chức ngành giáo dục đúng quy định; đề cao tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính, lương tâm và đạo đức nghề nghiệp, tác phong và tư cách của đội ngũ nhà giáo và CBQL. Rà soát, tham mưu các cấp sắp xếp lại bộ máy, nhân sự các trường nhằm tinh gọn bộ máy, phù hợp với năng lực chuyên môn và vị trí việc làm; khắc phục tình trạng thừa, thiếu GV cục bộ, đảm bảo đội ngũ nhà giáo các cấp học đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, phù hợp với quy hoạch mạng lưới trường, lớp, đáp ứng yêu cầu đổi mới.

Phối hợp các cấp tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các cấp học theo yêu cầu chuẩn nghề nghiệp mới theo quy định của Luật Giáo dục số 43/2019/QH14

Công tác quy hoạch, bổ sung quy hoạch; bổ nhiệm, điều động, luân chuyển đội ngũ CBQL được thực hiện công khai, minh bạch, dân chủ. Trong học kỳ, đã tham mưu điều động, luân chuyển, bổ nhiệm lại 09 cán bộ quản lý. Thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với nhà giáo, CBQL theo quy định.

UBND huyện đã ban hành các kế hoạch thực hiện và bồi dưỡng, tập huấn để đảm bảo điều kiện đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho 100% cán bộ quản lý, giáo viên. Đã chỉ đạo các nhà trường xây dựng phương án bố trí giáo viên dạy chương trình đảm bảo về số lượng và chất lượng.

4. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD-XMC), xây dựng trường chuẩn quốc gia. Tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo

4.1. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD-XMC)

Phát huy vai trò tham mưu với cấp uỷ, chính quyền các cấp, ngành Giáo dục và Đào tạo đã đưa ra nhiều giải pháp quan trọng để triển khai, thực hiện kế hoạch PCGD, XMC đảm bảo tiến độ; huy động số người mù chữ, tái mù chữ

trong các độ tuổi ra học các lớp XMC, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ; đặc biệt những nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; quan tâm đến trẻ em gái, phụ nữ người dân tộc thiểu số. Ban chỉ đạo phổ cập các xã đã phối hợp với Bộ đội Biên phòng, Hội Phụ nữ thực hiện tốt công tác xóa mù chữ, chỉ đạo các trường mở các lớp xóa mù chữ. Trong học kỳ 1, đã mở 06 lớp với 133 học viên, qua đó chất lượng PCGD, XMC được nâng lên và đảm bảo tính bền vững; tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi các bậc học ngày càng cao là cơ sở đảm bảo cho huyện thực hiện được kế hoạch PCGD, XMC hàng năm.

Năm 2023, huyện Phong Thổ được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi; PCGDTH mức độ 3; PCGDTHCS mức độ 1, phổ cập xóa mù chữ mức độ 1.

4.2. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục

Các trường trong toàn huyện đã tổ chức kiểm tra cuối kỳ I đảm bảo đúng quy chế, đúng quy trình từ khâu ra đề đến coi, chấm kiểm tra; Các đơn vị đã tổ chức thi chọn học sinh giỏi cấp trường, thành lập đội tuyển thi chọn cấp huyện... Tham gia dự thi Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh với 05 dự án, trong đó có 02 dự án đạt giải khuyến khích.

4.3. Kiểm định và công nhận trường chuẩn quốc gia, trường học xanh sạch, đẹp, an toàn

Công tác kiểm định và công nhận trường chuẩn quốc gia được triển khai thực hiện đảm bảo theo các thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chủ động tham mưu cho các cấp tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phát triển giáo dục. Hiện tại, toàn huyện có 25 trường chuẩn quốc gia, trong đó: MN 06 trường, Tiểu học 07 trường, THCS và trường liên cấp TH&THCS: 10 trường, THPT: 02 trường (có 03 trường đạt chuẩn mức độ 2: Trường mầm non Hoa Ban, trường TH Thị Trấn và trường THCS Thị Trấn).

Công tác xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn: Đã triển khai tới các trường trong huyện và 100 % các trường thực hiện nghiêm túc về việc xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn. Trong học kỳ đã công nhận thêm 02 trường, nâng tổng số trường học đạt chuẩn xanh, sạch, đẹp, an toàn lên 45/48 đạt 93,8%, đảm bảo kế hoạch đề ra.

5. Giáo dục dân tộc, các chế độ chính sách cho người học

100% các trường PTDTBT, DTNT và trường có học sinh bán trú tổ chức nuôi dưỡng học sinh đảm bảo về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, một số trường đã tổ chức trồng rau, chăn nuôi,... cải thiện bữa ăn cho học sinh, điển hình một số trường làm tốt mô hình trường học gắn với sản xuất kinh doanh. Thực hiện đúng, đủ chế độ chính sách cho học sinh bán trú.

Tổng số học sinh huy động từ điểm trường lẻ về học tại trung tâm là 4.026 học sinh, cụ thể: Khối 1: 368 học sinh; Khối 2: 499 học sinh; Khối 3: 908 học sinh; Khối 4: 1.207 học sinh; Khối 5: 1.044 học sinh.

Các trường mầm non đã tổ chức nấu ăn cho các cháu, 100% trẻ đến trường được ăn bán trú tại trường. Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng

dẫn đến các đơn vị thực hiện và tổ chức tốt công tác nuôi dưỡng học sinh bán trú được quan tâm và cụ thể hóa. Tổ chức tốt các hoạt động giáo dục đặc thù: Các hoạt động sinh hoạt bán trú, hoạt động ngoài giờ lên lớp, xây dựng cảnh quan môi trường,... được các trường quan tâm, thu hút được đông đảo HS tham gia, góp phần nâng cao tỷ lệ chuyên cần và chất lượng giáo dục.

Các trường có học sinh bán trú đã cơ bản nắm bắt và thực hiện có nề nếp, các em học sinh đã tích cực, chủ động trong việc học tập, vệ sinh cá nhân, tập thể. Các trường đã thành lập các đội tự quản, thường xuyên đôn đốc việc học tập các buổi chiều, tối, vệ sinh cá nhân, phòng ỡ; đã chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức nuôi dưỡng 3 bữa/ ngày cho học sinh, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống suy dinh dưỡng cho học sinh. Phối hợp với Ban an toàn vệ sinh thực phẩm tại các xã, thị trấn kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh nơi chế biến, quá trình chế biến thực phẩm, thức ăn hàng ngày cho học sinh. Tiếp nhận và bàn giao gạo hỗ trợ học sinh theo Quyết định 36/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ cho các trường trên địa bàn huyện với hơn 420 tấn.

Chỉ đạo các trường rà soát đối tượng học sinh, giáo viên được hưởng các chế độ chính sách, tổng hợp, thẩm định và phê duyệt.

6. Tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo

Thường xuyên rà soát thực trạng quy mô trường/lớp và các điều kiện, nhu cầu để đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa CSVC, thiết bị dạy học của từng cấp học. Đầu tư thay thế các phòng học tạm, nhà bán trú và các hạng mục phụ trợ khác (*bếp, nhà ăn, nhà vệ sinh cho học sinh,...*), trường chuẩn quốc gia. Xây dựng môi trường cảnh quan sư phạm xanh - sạch - đẹp - an toàn, chú trọng đến vệ sinh trường, lớp.

Các trường đã làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng CSVC, lồng ghép các nguồn kinh phí để tăng hiệu quả đầu tư tránh lãng phí sau khi đưa vào sử dụng. Kết quả: Tính đến tháng 12/2023, toàn huyện có 1.322 phòng học (tỷ lệ phòng KC, BKC đạt 92,9%) (Biểu 6a, 6b, 6c, 6d, 6e kèm theo).

Tăng cường kỷ cương trong sử dụng ngân sách và quản lý có hiệu quả các nguồn đầu tư cho giáo dục; thực hành tiết kiệm, phòng/chống tham nhũng, lãng phí. Công tác quản lý tài chính và thực hiện các khoản thu trong các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, bảo đảm dân chủ, công khai và minh bạch.

Tham mưu các cấp chuẩn bị xây dựng kế hoạch tổng thể CSVC, thiết bị trường học đồng bộ với lộ trình thực hiện Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới, đảm bảo cho việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 trong năm học 2023-2024.

7. Công tác cải cách hành chính, truyền thông. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học

* **Công tác cải cách hành chính:** Các quá trình giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan được thuận lợi hơn, giúp cho các đơn vị, cá nhân đến yêu cầu giải

quyết công việc nhanh chóng, thuận tiện, các bộ thủ tục đã được đơn giản hóa trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trực tuyến và tích hợp với Cổng dịch vụ công của tỉnh.

*** Công tác truyền thông:** Căn cứ Kế hoạch truyền thông của UBND huyện, Sở GD&ĐT Lai Châu, phòng GD&ĐT đã xây dựng kế hoạch truyền thông tới các trường. Các đơn vị đã tổ chức với các hình thức tuyên truyền đa dạng và phong phú: trong các cuộc họp, đưa tin trên Website, niêm yết tại bảng tin nhà trường, trong các cuộc họp tại xã, bản... đem lại hiệu quả cao.

*** Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học:**

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy - học, kiểm tra, đánh giá, nghiên cứu khoa học và công tác quản lý nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý và chất lượng giáo dục; công tác bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin ở các trường được duy trì thường xuyên. Qua đó, cán bộ, giáo viên, nhân viên trong ngành cơ bản đều có kỹ năng khai thác, sử dụng công nghệ thông tin phục vụ đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm.

Việc quản lý và chỉ đạo của ngành thông qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản điện tử VNPT Ioffice và hệ thống thư điện tử được đảm bảo, ổn định đáp ứng yêu cầu công việc.

Phối hợp với Viettel, Vinaphone Lai Châu kết nối đường truyền Internet tới 100% các trường; 100% các cơ sở giáo dục áp dụng phần mềm quản lý trường học trong công tác quản lý; tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu ngành đồng bộ từ giáo dục mầm non đến giáo dục phổ thông trên nền tảng cơ sở dữ liệu giáo dục quốc gia. Việc ứng dụng công nghệ thông tin đã và đang được các đơn vị áp dụng trong việc giảng dạy, đánh giá chất lượng tiết dạy, bước đầu đã đem lại hiệu quả tích cực.

Tiếp tục thực hiện phân cấp quản lý, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp, trong đó chú trọng tự chủ về tài chính, tài sản, tự chủ trong xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục. Tăng cường kỷ cương, nền nếp trường, lớp các cấp học; coi trọng thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch trong trường học gắn với trách nhiệm người đứng đầu. Quyết liệt trong chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các khoản thu đầu năm học, tránh tình trạng dạy thêm, học thêm không đúng quy định trong các cơ sở giáo dục, việc quản lý tài chính, thu chi trong các đơn vị được thực hiện nghiêm túc, không có hiện tượng lạm thu. Các đơn vị thực hiện nghiêm túc Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT về Quy chế thực hiện công khai trong các cơ sở giáo dục. Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thực hiện nghiêm túc công tác quản lý, điều hành và sử dụng ngân sách nhà nước đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Công tác kiểm tra được thực hiện thường xuyên, có hiệu quả, đúng quy định; tăng cường kiểm tra đột xuất, những vấn đề gây bức xúc trong dư luận, những lĩnh vực dễ xảy ra sai phạm, xử lý nghiêm các sai phạm, thông báo công khai trước công luận, giữ vững trật tự, kỷ cương trong ngành.

8. Kết quả công tác XHHGD và quyên góp ủng hộ

Các trường tích cực tuyên truyền vận động xã hội hóa giáo dục, trong năm học nhiều tổ chức, cá nhân từ thiện đã quan tâm, tài trợ cho học sinh các trường vùng ĐBKK, học sinh có hoàn cảnh khó khăn hiếu học giúp các em tự tin hơn khi đến trường, cụ thể trong học kỳ 1 được hỗ trợ gần 6 tấn gạo, hơn 3.200 bộ quần áo, hơn 200 chăn bông, gần 200 bộ đồ dùng học tập cá nhân, gần 6.000 quyển vở viết và sách giáo khoa... Tập đoàn Viettel tặng 120 xuất học bổng trị giá 120 triệu đồng; Các cá nhân, tổ chức ủng hộ cho các nhà trường bằng tiền mặt với số tiền hơn 360 triệu đồng. Các doanh nghiệp, chính quyền địa phương và các cá nhân đã quyên góp gần 3.000 ngày công, 15 tấn xi măng, hơn 500 m³ cát, gần 100 m³ sỏi, hơn 5.000 viên gạch, gần 1281 cây tre, gỗ.... để các trường tu sửa trường lớp, nhà ở cho học sinh bán trú, nhà ở cho giáo viên...

9. Công tác thi đua khen thưởng và các hoạt động phong trào

Công tác thi đua - khen thưởng, các cuộc vận động, các phong trào thi đua đến các nhà trường đã được triển khai có hiệu quả. Việc tổ chức các hoạt động phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cho thầy và trò trong các nhà trường đã được chú trọng thường xuyên tổ chức nhằm lôi cuốn, thu hút học sinh tới trường, mặt khác thông qua các hoạt động văn hóa văn nghệ đã tạo lên những nguồn lực động viên và khích lệ tinh thần cho các thầy, cô không quản ngại khó khăn, chăm lo cho sự nghiệp giáo dục.

Triển khai nghiêm túc phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học”; quan tâm phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng các điển hình tiên tiến; kiên quyết khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục; tích cực đổi mới công tác thi đua, khen thưởng. Xây dựng phong trào thi đua sâu, rộng từ vùng thuận lợi cho đến vùng đặc biệt khó khăn, biên giới.

Phòng Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng kế hoạch hoạt động phong trào và triển khai tới các đơn vị thực hiện. Các phong trào thể dục thể thao, văn hóa, văn nghệ đã được đông đảo đội ngũ cán bộ giáo viên trong toàn ngành tham gia.

Công tác đội đã được Ban giám hiệu tổng phụ trách đội các trường đặc biệt quan tâm, đã chỉ đạo Tổng phụ trách, giáo viên chủ nhiệm các lớp đưa các trò chơi dân gian, tiếng hát, điệu múa dân gian vào các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; duy trì hoạt động thường xuyên như: sinh hoạt chào cờ đầu tuần, các bài tập thể dục nhịp điệu, ca múa hát tập thể vào đầu giờ và giữa giờ học. Đã có nhiều các chương trình hoạt động được tổ chức như: tổ chức các phong trào văn hóa văn nghệ, tổ chức Hội khỏe phù đồng cấp trường, thi viết báo tường chào mừng các ngày lễ lớn, xây dựng các quỹ nhi đồng, quỹ đội....

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Học kỳ I năm học 2023-2024, được sự chỉ đạo sát sao của các cấp, ngành cùng với sự nỗ lực của đội ngũ toàn ngành, hưởng ứng nhiệt tình của các em học sinh công tác giáo dục của huyện đã có những chuyển biến tích cực, hoàn thành tốt các nhiệm vụ đã đề ra.

Kỷ cương, nề nếp trong các nhà trường được tăng cường, các hoạt động ngoài giờ lên lớp của các trường đã dần đi vào nề nếp và đạt hiệu quả cao. Việc đổi mới trong công tác quản lý và điều hành có nhiều chuyển biến tích cực. Các trường trong toàn huyện đã được kiện toàn về bộ máy, cơ sở vật chất tương đối đảm bảo cho việc dạy và học.

Giữ vững được kết quả PCGDTH - XMC, thực hiện đúng tiến độ công tác phổ cập giáo dục ở cả 3 cấp học. Công tác xã hội hoá giáo dục đã có những chuyển biến tích cực. Sự phối, kết hợp các lực lượng xã hội tham gia vào công tác giáo dục trên địa bàn tạo điều kiện cho giáo dục huyện phát triển và đạt mục tiêu giữ vững đạt chuẩn phổ cập năm 2023 trên địa bàn toàn huyện.

Đội ngũ cán bộ quản lý được kiện toàn, có năng lực quản lý, nhiệt tình trách nhiệm, đội ngũ giáo viên được bổ sung cơ bản đáp ứng được yêu cầu công việc. Trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn ngày càng cao. Việc triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, dạy và học đem lại hiệu quả cao giúp cán bộ, giáo viên, học sinh phát huy tính tích cực, tìm tòi thông tin, tích lũy kinh nghiệm.

Công tác kiểm tra, tư vấn đã có những chuyển biến tích cực và đem lại hiệu quả cao, nội dung tập trung chủ yếu vào tư vấn phương pháp dạy học theo đối tượng vùng miền, kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch....

Cơ sở vật chất trường, lớp học đã được kiên cố hoá tại hầu hết các trung tâm xã, trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động của các nhà trường được quan tâm đặc biệt là đồ dùng dạy học và thiết bị đồ chơi của ngành học mầm non. Các chế độ chính sách của cán bộ, giáo viên, học sinh được giải quyết đúng, đủ và kịp thời. Hệ thống trường phổ thông dân tộc bán trú được củng cố, ổn định, đi vào hoạt động có nề nếp.

Các phong trào thi đua của ngành và các cấp phát động được các trường triển khai thực hiện nghiêm túc và đạt được kết quả cao.

2. Hạn chế

Việc duy trì sỹ số học sinh của một số đơn vị có thời điểm chưa cao, chất lượng giáo dục toàn diện ở một số trường còn hạn chế đặc biệt là một số trường vùng khó khăn, biên giới. Việc phối kết hợp các lực lượng xã hội tham gia vào công tác giáo dục trên địa bàn chưa được thường xuyên. Một số cấp uỷ, chính quyền địa phương chưa quyết liệt huy động học sinh đến lớp.

Đội ngũ cán bộ quản lý thiếu, chưa được kiện toàn kịp thời. Giáo viên thiếu nhiều đặc biệt là cấp học mầm non và THCS (GV Tiếng Anh, Tin học, Toán, Ngữ Văn).

Cơ sở vật chất trường, lớp học đầu tư chưa đồng bộ, số phòng học tạm còn nhiều, hầu hết các trường không có thư viện, phòng thí nghiệm phần nào ảnh hưởng đến dạy và học.

3. Nguyên nhân

Là một huyện biên giới, địa bàn rộng, kinh tế - xã hội còn khó khăn, nhu cầu đầu tư lớn nhưng nguồn lực có hạn; tỷ lệ hộ nghèo cao, trình độ dân trí

không đồng đều, một số tập quán lạc hậu còn tồn tại ảnh hưởng lớn đến công tác giáo dục. Công tác xã hội hoá giáo dục tại các xã chưa được tốt, mối quan tâm tới giáo dục còn chưa được triệt để nhất là vùng đặc biệt khó khăn.

Việc tuyên truyền và tham mưu với các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương ở một số trường chưa thực sự hiệu quả, chưa kịp thời.

Một số cán bộ giáo viên chưa có sự cố gắng vươn lên, việc tự bồi dưỡng về chuyên môn chưa đảm bảo.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ CHỦ YẾU HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024

I. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ trọng tâm

Thực hiện nghiêm túc việc đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo. Tiếp tục chỉ đạo các trường tăng cường việc huy động học sinh ra lớp đặc biệt là vào thời điểm khó: trước sau Tết Nguyên đán, vụ mùa...

Thực hiện có hiệu quả, sáng tạo việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; tổ chức tốt các phong trào thi đua. Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng cho đội ngũ; giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục kỹ năng sống, công tác giáo dục thể chất, chăm sóc sức khỏe cho học sinh.

Tiếp tục duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục ở cả 3 cấp học, nâng cao chất lượng giáo dục phổ cập chống mù chữ.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động công tác kiểm tra nội bộ các trường học. Tăng cường kiểm tra quản lý nhà nước về giáo dục, xử lý nghiêm, kiên quyết các sai phạm và thông báo công khai, trung thực. Tăng cường tư vấn tại chỗ cho các đơn vị trong việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ.

Tiếp tục chuẩn bị về đội ngũ, cơ sở vật chất phục vụ việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông mới.

Tiếp tục chỉ đạo áp dụng phương pháp dạy và học phù hợp đối tượng gắn với tăng cường kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục theo hướng đánh giá năng lực người học. Tăng cường công tác giáo dục mũi nhọn, ôn luyện tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh đối với lớp 8, lớp 9. Tập trung ôn luyện, nâng cao phổ điểm thi tốt nghiệp THPT.

Phối hợp với các ban ngành đẩy mạnh công tác xây dựng cơ sở vật chất trường lớp học; trang thiết bị phục vụ học tập và giảng dạy.

Duy trì các trường đã đạt chuẩn Quốc gia, hoàn thiện các tiêu chí đạt chuẩn, đầu tư xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất cho các trường đạt chuẩn năm 2024 theo kế hoạch.

Tham gia các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao của ngành.

2. Giải pháp

Tăng cường tham mưu với cấp ủy, chính quyền vận động học sinh đến trường. Đẩy mạnh công tác dân vận, dân chủ ở cơ sở.

Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, tập trung vào người đứng đầu trong việc điều hành các hoạt động giáo dục; kiểm tra đột xuất, thực hiện cam kết về số lượng, chất lượng giáo dục.

Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các nội dung công tác quản lý trong toàn ngành; xử lý kiên quyết đối với đối với nhà giáo, CBQL vi phạm cam kết; thực hiện tốt chế độ chính sách cho người dạy người học đặc biệt là công tác nuôi dưỡng học sinh bán trú.

Tổ chức tốt mô hình bán trú trong trường học, hướng dẫn học sinh trong các hoạt động ngoại khóa, tăng gia sản xuất để cải thiện đồng thời rèn kỹ năng sống, lao động, vệ sinh. Đảm bảo chế độ chính sách cho học sinh. Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ thể thao, các trò chơi dân gian phù hợp với đối tượng học sinh. Rèn ý thức tự giác trong học tập, sinh hoạt tại trường cho học sinh để góp phần từng bước nâng cao chất lượng dạy và học. Đảm bảo an ninh, an toàn, vệ sinh ATTP.

Tiếp tục đổi mới phong trào thi đua. Chú trọng khen thưởng người trực tiếp giảng dạy, người lao động và các lĩnh vực quản lý, sỹ số học sinh, nuôi dưỡng học sinh. Tiếp tục đổi mới có hiệu quả phương pháp giảng dạy và học tập trong các đơn vị.

Duy trì nề nếp tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các hoạt động văn hóa, thể thao tại các trường. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục; lồng ghép hiệu quả các nguồn kinh phí tăng cường cơ sở vật chất. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các trường đạt chuẩn.

II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề nghị các cấp quan tâm, ưu tiên đầu tư bổ sung cơ sở vật chất và thiết bị dạy học cho giáo dục vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn của huyện.

Trên đây là nội dung Báo cáo công tác giáo dục học kì I và một số nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp học kỳ II năm học 2023-2024 của Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Lai Châu;
- TT Huyện uỷ (B/c);
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các cơ quan, phòng, ban, ngành huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Thị Hồng Sim